**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ DĨ AN**
TỈNH BÌNH DƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/LĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
Về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đoàn Nam Lê Thiện – Phó chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Dĩ An;

2. Ông Tô Văn Nhung – Giáo viên hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 154/2023/TLST-LĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị Thu H, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số 23C, đường 13, khu phố 4, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Công ty TNHH G; địa chỉ: Số 12 đường ĐT743, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng H1, sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: Số 12 đường ĐT 743, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1991; thường trú: TDP Thạch By 1, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt);*

2/ Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2; chức vụ: Chuyên viên BHXH thành phố D; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2023, *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-10-2023 lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Thu H trình bày:***

Từ tháng 02/2009 đến tháng 8/2022 bà Lương Thị Thu H làm việc tại Công ty TNHH H, địa chỉ: Lô 115, 116, 124, 125, một phần lô số 117, 126 đường số 06, khu công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vị trí công tác: Công nhân may và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7409142532. Bà H làm công việc tại Công ty TNHH H toàn thời gian từ 07 giờ 30 sáng đến 04 giờ 30 chiều, ngoài ra thỉnh thoảng có tăng ca. Lúc ký hợp đồng bà có làm sơ yếu lý lịch có chứng thực của ủy ban, kèm chứng minh nhân dân số 212243659, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp năm 2003. Công ty TNHH H đã tham gia bảo hiểm cho bà tại BHXH tỉnh Bình Dương với mã số bảo hiểm là 7409142532. Bà H làm việc tại Công ty TNHH H từ tháng 02/2009 đến tháng 8/2022, công ty đóng bảo hiểm đầy đủ cho bà trong thời gian này. Ngoài làm việc cho Công ty TNHH H thì trong thời gian này bà không làm việc tại bất cứ công ty nào khác.

Do không hiểu biết pháp luật nên vào tháng 06/2009 bà Lương Thị Thu H có cho em họ tên Huỳnh Thị Thanh T1, sinh ngày 18/10/1991; thường trú: Tổ dân phố T, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi mượn chứng minh nhân dân của Bà H số 212243659, do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp năm 2003 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Lý do Bà H cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân là vì thời điểm tháng 6/2009 bà T1 chưa đủ 18 tuổi trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần có công việc để tăng thu nhập phụ giúp gia đình. Bà Huỳnh Thị Thanh T1 đã sử dụng thông tin cá nhân của Bà H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và tham gia bảo hiểm xã hội (với tên Lương Thị Thu H) từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010 thì nghỉ việc tại Công ty. Sau đó, bà T1 về quê và sinh sống cho đến nay, làm việc tự do không tham gia bảo hiểm xã hội ở đâu.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH H, đầu năm 2023 Bà H liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội một lần, do bà có địa chỉ thường trú ở thành phố Thủ Đức nên bà lên Bảo hiểm xã hội thành phố T liên

hệ thì mới biết số chứng minh nhân dân của bà có thời gian đóng bảo hiểm bị trùng lặp tại Công ty TNHH G, thời gian trùng từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010, do đó cơ quan Bảo hiểm xã hội không giải quyết cho bà. Vì vậy, bà tiếp tục liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố D thì được hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh của bà để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (do bà Huỳnh Thị Thanh T1 mượn tên) và Công ty TNHH G, thời gian làm việc từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là bà. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của bà để làm việc tại Công ty TNHH G dẫn đến việc trùng lắp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là ngoài ý muốn của Công ty. Do đó bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

***- Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Theo như dữ liệu trên máy tính nhân sự Công ty TNHH G thì vào tháng 6/2009 Công ty có tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với bà Lương Thị Thu H, sinh ngày 02/01/1989, số CMND: 212243659, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H làm việc tại tổ thủ công, phân xưởng may với công việc là công nhân sản xuất giày. Thời gian làm việc của bà H theo như quy định của nội quy lao động công ty. Đến tháng 02/2010 Bà H nghỉ việc tại Công ty cho đến nay và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho Bà H.

Công ty TNHH G được thành lập từ năm 2006 và đã có một lần thay đổi địa chỉ hoạt động do địa chỉ cũ tại số 26 Đại lộ Độc lập, khu công nghiệp Sóng Thần 1 đã trả lại mặt bằng cho chủ sở hữu. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là gia công giày dép nữ xuất khẩu, vị trí nằm trong khu công nghiệp do đó việc biến động lao động hàng năm khá lớn. Tính tới thời điểm tuyển dụng Bà H đến nay đã trải qua hơn 14 năm do đó hồ sơ, hợp đồng của Bà H không còn lưu trữ tại công ty. Do đó, việc cung cấp hồ sơ, hợp đồng lao động không thực hiện được.

Việc Bà H mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động (thời gian làm việc từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010) giữa bà Lương Thị Thu H và Công ty TNHH G vô hiệu thì bị đơn đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Tại Bản tự khai ngày 22/11/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D trình bày:***

Qua đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH G cho người lao động

thì Công ty TNHH G cho tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lương Thị Thu H, sinh ngày 02/01/1989, CMND số 212243659 với mã số BHXH 7409201044 từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của Bà H thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Đối với các yêu cầu của Bà H thì Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

***- Tại Bản tự khai ngày 01/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T1 trình bày:***

Bà Huỳnh Thị Thanh T1 là em họ của bà Lương Thị Thu H. Vào năm 2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần công việc để kiếm thu nhập nhưng thời điểm đó bà T1 chưa đủ 18 tuổi nên không xin được việc. Vì vậy, bà T1 có nhờ Bà H cho mượn chứng minh nhân dân để xin việc tại Công ty TNHH G. Vì vậy, vào năm 2009 bà T1 xin tuyển dụng vào làm công nhân Công ty TNHH G, với vị trí là Công nhân từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010 thì xin nghĩ việc để về quê. Nên Công ty TNHH G có đóng bảo hiểm xã hội cho bà T1 từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010. Do thời gian nghỉ việc đã quá lâu, bà T1 không còn giữ hợp đồng lao động hay bảng lương nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà T1 đã sử dụng chứng minh nhân dân của Bà H để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH G. Thời điểm, Công ty TNHH G ký hợp đồng lao động với bà T1 do bà T1 sử dụng hình của bà T1 dán vào chứng minh nhân dân của Bà H nên Công ty TNHH G không biết bà T1 sử dụng giấy tờ của Bà H để xin việc. Nay bà T1 đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và không tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 cho đến nay. Thời điểm bà T1 mượn chứng minh nhân dân của Bà H để xin việc ở Công ty TNHH G thì bà Lương Thị Thu H đang làm việc tại Công ty TNHH H tại địa chỉ đường số 6, KCN S1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà H làm việc tại Công ty TNHH H từ tháng 02/2009 đến tháng 8/2022 mới nghỉ việc.

Sau khi nghĩ việc, Bà H không làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội được vì bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà T1 từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010. Vì vậy, Bà H khởi kiện yêu cầu Tuyên Hợp đồng lao động (từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010) giữa bà Lương Thị Thu H (do bà T1 mượn chứng minh nhân dân của Bà H ký hợp đồng lao động) và Công ty TNHH G thì bà T1 đồng ý. Sau khi bà T1 nghỉ việc thì quyền lợi và nghĩa vụ của bà T1 với Công ty TNHH G chấm dứt nên bà T1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, không vi phạm pháp luật tố tụng dân sự. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T1 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn Bà H khởi kiện Công ty TNHH G, địa chỉ: Số 12 đường ĐT743, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH G. Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G và bà Lương Thị Thu H. Tuy nhiên, Công ty TNHH G thừa nhận có Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Lương Thị Thu H nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G và người lao động có thông tin Lương Thị Thu H. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Lương Thị Thu H như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 7409142532: từ tháng 02/2009 đến tháng 08/2022 tại Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty Hansoll).

Mã số bảo hiểm xã hội 7409201044: từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G).

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Lương Thị Thu H ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H và làm việc từ tháng 02/2009 đến tháng 08/2022 và được Công

ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 7409142532.

Bị đơn Công ty TNHH G xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Lương Thị Thu H và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010. Đến tháng 02/2010 Bà H nghỉ việc tại công ty. Hiện hồ sơ lao động của Bà H công ty không còn lưu trữ. Việc bà H mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T1 xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà T1 có mượn giấy tờ tùy thân của Bà H để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G từ tháng 06/2009 cho đến tháng 02/2010 thì nghỉ việc để về quê cho đến nay.

Việc bà T1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của Bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Lương Thị Thu H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lương Thị Thu H (do bà Huỳnh Thị Thanh T1 mượn tên) với Công ty TNHH G là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty TNHH G và Công ty TNHH H cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Lương Thị Thu H từ tháng 06/2009 đến tháng 02/2010. Tuy nhiên, thực tế Bà H chỉ làm việc tại Công ty TNHH H, không làm việc tại Công ty TNHH G. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH G với bà Lương Thị Thu H là vô hiệu như những phân tích ở trên.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thu H.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thu H về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Thị Thu H và Công ty TNHH G (thời gian làm việc từ tháng 6/2009 đến tháng 02/2010) vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Lương Thị Thu H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí Bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007066 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng**